

QUYẾT ĐỊNH
công bố, công khai Quyết toán ngân sách năm 2023
Đơn vị kế toán: Trường Chính trị tỉnh Bình Định

Căn cứ Quyết định số 1235/QĐ-TU ngày 28/12/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Trường Chính trị tỉnh Bình Định;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2023 ngày 05 tháng 9 năm 2024 giữa Sở Tài chính và Trường Chính trị tỉnh Bình Định; Thông báo số 192/TB-STC ngày 20 tháng 9 năm 2024 về Thẩm định quyết toán ngân sách năm 2023 Đơn vị được thẩm định: Trường Chính trị tỉnh Bình Định; Mã chương: 599;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu,

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH BÌNH ĐỊNH
QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố, công khai số liệu Quyết toán ngân sách năm 2023 Đơn vị kế toán: Trường Chính trị tỉnh Bình Định (*Biểu mẫu đính kèm*); với hình thức: Dán Thông báo công khai tại bảng tin của Nhà trường, thời gian 02 tháng và mục Công khai tài chính trên Website của Trường Chính trị tỉnh Bình Định (<http://truongchinhtri.binhdinh.gov.vn>), thời gian 01 năm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu; trưởng các khoa, phòng và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính,
- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng,
- Các khoa, phòng, VPĐT,
- Lưu: VT, KT, TCHC-TTTL.

HIỆU TRƯỞNG

Phan Văn Huệ

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1444-QĐ/TCT ngày 31/12/2024 của Hiệu trưởng Trường Chính trị)

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	0	0		0
I	Số thu phí, lệ phí	0	0		0
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ để lại	0	0		0
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0		0
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	6.007.548.000	6.007.548.000		6.007.548.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	6.007.548.000	6.007.548.000		6.007.548.000
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	6.007.548.000	6.007.548.000		6.007.548.000
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.852.575.000	4.852.575.000		4.852.575.000
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.154.973.000	1.154.973.000		1.154.973.000
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

Phụ lục
QUYẾT TOÁN THU - CHI - TRÍCH CÁC QUỸ NGUỒN SỰ NGHIỆP NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số 1444-QĐ/TCT ngày 31/12/2024 của Hiệu trưởng Trường Chính trị)

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	0	0		0
I	Số thu phí, lệ phí	0	0		0
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ để lại	0	0		0
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0		0
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	0	0		0
I	Nguồn ngân sách trong nước	0	0		0
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
C	Quyết toán chi sự nghiệp hoạt động KDDV	811.496.086	811.496.086		811.496.086
I	Nguồn sự nghiệp trong nước	811.496.086	811.496.086		811.496.086
1	Chi sự nghiệp hoạt động KDDV	811.496.086	811.496.086		811.496.086
1.1	Doanh thu trong năm	6.621.342.975	6.621.342.975		6.621.342.975
1.2	Chi phí	5.356.374.779	5.356.374.779		5.356.374.779
1.3	Chi phí thuê TNDN	116.519.740	116.519.740		116.519.740
1.4	Thặng dư/thâm hụt trong năm, trong đó:	1.148.448.456	1.148.448.456		1.148.448.456
1.4.1	Phân phối cho các quỹ trong năm (Chi tiết theo Bảng tổng hợp trích lập đính kèm)	811.496.086	811.496.086		811.496.086